

There are no translations available.

Căn c Lu t Giáo d c;

Căn c Quy t đ nh s 181-CP ngày 17/9/1969 c a H i đ ng Chính ph v vi c thành l p Tr ng Đ i h c Kĩ n trúc;

Căn c Quy t đ nh s 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 c a Th t ng Chính ph v vi c ban hành Đi u l Tr ng Đ i h c;

Căn c Thông t s 02/2015/TT-BGDĐT ngày 26/02/2015 c a B tr ng B Giáo d c và Đào t o v vi c ban hành Quy ch Thi trung h c ph thông qu c gia;

Căn c Thông t s 03/2015/TT-BGDĐT ngày 26/02/2015 c a B tr ng B Giáo d c và Đào t o v vi c ban hành Quy ch tủy n sinh đ i h c, cao đ ng h chính quy;

Căn c Quy t đ nh s 170/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 23/3/2015 c a Hi u tr ng Tr ng Đ i h c Kĩ n trúc Hà N i v vi c ban hành Quy ch tủy n sinh đ i h c h chính quy các ngành có s đ ng môn thi năng khi u;

Tr ng Đ i h c Kĩ n trúc Hà N i thông báo tủy n sinh đ i h c h chính quy năm 2015 nh sau:

Tên tr ng,

Ngành h c

Ký hi u tr ng

Mã Ngành

Môn thi

T ng chỉ tiêu

Ghi chú

TrĐ ngỒHKT Hà N i

KTA

1850

Nhóm ngành 1

(T

1.	Kì n trú c
----	------------

D580102

Toán, Lý, M thu t

350

Môn	Toán, V t lý	(l y k t qu k thi Qu c M i thet c m thi do tr ờ n
-----	--------------	--

Môn V M thu t g m h i bài thi MT1 và MT2, thi vào hai bu i, có t l đi m 50/50, b ng bút chì đen

Đi m môn V m thu t nh n h s 1,5 và ph i đ t (sau khi nh n h s):KV1 ≥ 6,00; KV2, KV2-NT ≥ 6

2. Quy ho ch vùng

và ồ th

D580105

Toán, Lý, M thu t

150

3. Kĩ n trúc c nh quan

D580110

Toán, Lý, M thu t

50

Nhóm ngành 2:

(T

4. K thu t công trình xây d ng

G m 02 chuyên ngành:

- Xây d ng dân d ng và công nghi p: ch tiêu 450

- Xây d ng công trình ng m đô th : ch tiêu 50

D580201

Toán,

V t lý, Hoá h c

500

L y theo k t qu k thi Qu c gia theo c m thi do tr ng Đ i h c ch trì.

5. Công ngh k thu t v t li u xây d ng

D510105

Toán,

V t lý, Hoá h c

50

6. C p thoát nĐ c

D110104

Toán,

V t lý, Hoá h c

150

7. K thu t ổ th

G m 02 chuyên ngành:

- K thu t h t ng đô th :

ch tiêu 100

- K thu t môi tr ng đô th :

ch tiêu 50

D580211

Toán, V t lý, Hoá h c

150

8. Qu n lý xây d ng

D580302

Toán,

V t lý, Hoá h c

150

9. Kinh t xây d ng

D580301

Toán,

V t lý, Hoá h c

150

Nhóm ngành 3

(T

10. Thi t k Ồ ho

D210403

Ng v n, H ình ho M thu t, B c c trang trí màu

50

Môn	Ng vñn	(l y k t qu k thi Qu c gia	Hình a Mi dñt
-----	--------	----------------------------	---------------

T ng đi m c a hai môn năng khi u không nhân h s và ph i đ t t ng s đi m theo khu v c nh sau

11. Thi t k N i th t

D210405

Ng vñn, Hình ho M thu t, B c c trang trí màu

100

Tr ã ng Đ i h c Kĩ n trú c Hà N i không t ch c thi s tuy n môn V M thu t.

Thí sinh đ ãng ký tr c ti p vào các ngành năng khi u và thi năng khi u theo quy đ nh c a Tr ã ng.

Thí sinh đ ãng ký đ thi nhi u ngành khác nhau t i tr ã ng Đ i h c Kĩ n trú c Hà N i, m i ngành ph i n p m t b h s đ ãng ký đ thi. Th i gian n p h s đ ãng ký đ thi năng khi u: 01/4/2015 đ n 15/6/2015. Đ a đi m n p h s đ ãng ký đ thi năng khi u: Phòng Đào t o - Tr ã ng Đ i h c Kĩ n trú c Hà N i.

Th i gian và môn thi năng khi u cho t i ng nhóm ngành:

Nhóm ngành

Môn thi

Th i gian thi

Nhóm ngành 1

(V00)

Môn V M thu t, g m 02 bài thi:

- M thu t 1:

V đ u t i ng th ch cao tr ng t l 1:1

- M thu t 2:

B c c t o hình

Ngày 09/7/2015

Làm th t c d thi cho các thí sinh

Ngày 10/7/2015

Sáng thi M thu t 1: 210'

Chi u thi M thu t 2: 150'

Nhóm ngành 3 (H00)

Môn 1:

Hình h a M thu t

V ng i m u d ng bán thân

Môn 2:

B c c trang trí màu

Ngày 11/7/2015

Làm th t c d thi cho các thí sinh

Ngày 12/7/2015

Sáng thi Hình h a M thu t: 240'

Chi u thi B c c trang trí màu: 240'

Đi m trúng tuyền theo nhóm ngành và phân ngành ngay khi nh p tr ng d a trên đăng ký xét tuyền (đ i v i nhóm ngành 2), đăng ký d thi (đ i v i nhóm ngành 1, nhóm ngành 3); k t qu thi; quy đ nh c a H i đ ng tuyền sinh.

Ch tiêu 1850 ch a bao g m: C tuyền: 50 ch tiêu; Ch ng trình tiên ti n ngành Kĩ n trú c công trình: 50 ch tiêu

*** M i thông tin chi ti t xin liên h :**

Phòng Đào tạo- Tr ng Đ i h c Kĩ n trú c Hà N i

Km 10, Nguy n Trãi, Thanh Xuân, Hà N i

Đi n tho i: 04.38542391

website: www.hau.edu.vn